TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 12 – 7 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận;

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Anh Lê Tấn T, sinh năm: 1984 và chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Lê Tấn T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Mỹ T làm đại diện (theo giấy ủy quyền ngày 21/4/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị B, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2022 và trong quá trình tố tụng, đồng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Vào ngày 11/02/2021, chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Tấn T có cho chị Phạm Thị B vay số tiền là 38.000.000 đồng, với lãi suất 2,4%/tháng, thời hạn 06 tháng, 02 bên có làm tờ cam kết ngày 11/02/2021. Nội dung:

Bên chuyển nhượng là chị Phạm Thị B; bên nhận chuyển nhượng là anh Lê Tấn T và Nguyễn Thị Mỹ T. Hai bên cam kết ký hợp đồng mua bán đất và tài sản gắn liền với đất và cho chuộc lại tài sản tọa lạc tại ấp Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang với diện tích 339,2m^2, thửa số 54, tờ bản đồ số 19, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Trường hợp đo đạc mà phát sinh tăng, giảm thì các bên thống nhất theo diện tích đo đạc thực tế và không khiếu nại, tranh chấp về sau.

- Tổng trị giá tài sản 38.000.000 đồng.

- Bên chuyển nhượng đã nhận đủ số tiền 38.000.000 đồng.

- Bên chuyển nhượng cam kết đóng phí giữ đất và sổ đất là 2,4%/tháng cho bên nhận chuyển nhượng, nếu trễ không đóng phí trên quá 06 tháng kể từ ngày đóng phí gần nhất thì bên nhận chuyển nhượng sẽ được quyền sở hữu diện tích đất và giấy chứng nhận QSDĐ trên.

Nếu bên chuyển nhượng thực hiện đúng nghĩa vụ thời hạn đóng phí và trả đủ số tiền 38.000.000 đồng cho bên nhận chuyển nhượng thì bên chuyển nhượng được chuộc lại đất.

Bên A ký ghi Bích và bên B ký ghi Nguyễn Thị Mỹ T, tờ cam kết ngày 11/02/2021 với nội dung trên có Nguyễn Thị Mỹ T và chị Phạm Thị B ký, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Khi 02 bên ký tờ cam kết ngày 11/02/2021 thì anh T và chị Mỹ T có giữ của chị B bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH18809512 do UBND thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị B vào ngày 20 tháng 02 năm 2013 như đã nêu trên.

Trong quá trình thực hiện, chị B vi phạm hợp đồng không thực hiện việc trả lãi từ ngày 11/02/2021 và không trả vốn cho anh T và chị Mỹ T đến nay.

Nay, chị Mỹ T yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay vốn gốc 38.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định pháp luật tính từ ngày 11 tháng 02 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm cho anh T và chị Mỹ T. Đồng thời anh T và chị Mỹ T giao trả lại cho chị B bản gốc giấy chứng nhận QSDĐ như trên.

2. Trong quá trình tố tụng, giải quyết vụ án, chị Phạm Thị B trình bày:

Chị Phạm Thị B thừa nhận có vay tiền và còn nợ lại anh T, chị Mỹ T số tiền vay là 38.000.000 đồng, vay để cho người em bà con làm vốn làm ăn, khi vay chị B có cùng với chị Mỹ T làm tờ cam kết ngày 11/02/2021 về việc chuộc lại tài sản (theo tờ cam kết ngày 11/02/2021) có chị B và chị Nguyễn Thị Mỹ T ký, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời chị B có giao cho phía anh T, chị Mỹ T giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH18809512 do UBND thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị B vào ngày 20/02/2013.

Trong quá trình thực hiện tờ cam kết trên, chị B có trả lãi cho anh T và chị Mỹ T nhưng không nhớ là bao nhiêu và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả lãi trên.

Do điều kiện làm ăn mua bán khó khăn, không còn khả năng thanh toán số nợ vốn trên ngay một lần và xin trả cho anh T, chị Mỹ T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vốn vay là 38.000.000 đồng, đồng thời chị B yêu cầu xin khỏi trả lãi phát sinh kể từ ngày 11/02/2021 cho đến ngày xét xử và xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH18809512 do UBND thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị B vào ngày 20/02/2013.

Chị Phạm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đồng nguyên đơn chị Mỹ T không đồng ý yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vốn vay là 38.000.000 đồng và không đồng ý không tính lãi phát sinh, yêu cầu chị B có trách nhiệm trả số nợ tiền vay còn lại như đã nêu trên và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật tính từ ngày 11 tháng 02 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời chị Mỹ T sẽ cùng với anh T giao trả lại cho chị B bản gốc giấy chứng nhận QSDĐ như trên khi chị B trả dứt số nợ vốn và lãi trên và không yêu cầu giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chị Phạm Thị B có đơn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị B.

Về nội dung: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa các bên. Các bên thực hiện việc vay tài sản không xác lập hợp đồng mà vay tài sản thỏa thuận qua lời nói, có làm tờ cam kết việc giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi các bên không thực hiện đúng như cam kết, việc cam kết do các bên không có công chứng, chứng thực nên không được xem xét chỉ căn cứ vào sự thừa nhận giữa các bên về việc vay tài sản như đã nêu trên.

Chị B thừa nhận còn nợ lại anh T, chị Mỹ T số tiền vốn vay là 38.000.00 đồng như lời trình bày trên của chị Mỹ T; chị B có yêu cầu anh T, chị Mỹ T không tính lãi phát sinh tiếp tục và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ vay nhưng không được chị Mỹ T đồng ý về việc không tính lãi phát sinh và phương thức thanh toán.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ các Điều 463; 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị Mỹ T, buộc chị B có trách nhiệm trả số tiền nợ vốn vay là 38.000.000 đồng và lãi phát sinh với mức lãi suất 20%/năm đối với số nợ vốn vay trên tính từ ngày 11/02/2021 đến ngày 11/7/2022 cho anh T và chị Mỹ T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn chị Phạm Thị B, cư trú: Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Phạm Thị B có đơn xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị B.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2021. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa các bên. Các bên thực hiện việc vay tài sản không xác lập hợp

đồng mà vay tài sản thỏa thuận qua tờ cam kết việc giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi các bên không thực hiện đúng như cam kết, việc cam kết do các bên không có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật nên không được xem xét chỉ căn cứ vào sự thừa nhận giữa các bên về việc vay tài sản như đã nêu trên.

[2.1] Xét yêu cầu của đồng nguyên đơn chị Mỹ T yêu cầu chị B có trách nhiệm trả cho anh T, chị Mỹ T số nợ vốn vay còn lại là 38.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật đối khoản vay 38.000.000 đồng kể từ ngày 11/02/2021 đến ngày 11/7/2022.

Từ những kết quả trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu, đề nghị của anh T, chị Mỹ T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn, chị B thừa nhận có vay tiền và còn nợ lại anh T, chị Mỹ T số vốn vay là 38.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/02/2021 đến ngày 12/7/2022, chị B xin khỏi phải trả lãi phát sinh như đã nêu trên, chị Mỹ T không đồng ý.

[2.3] Xét về phương thức thanh toán: Bị đơn chị Phạm Thị B có yêu cầu trả cho anh T, chị Mỹ T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 38.000.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của chị Mỹ T và chị Mỹ T có yêu cầu chị B trả ngay một lần dứt số nợ vốn và lãi phát sinh chưa thanh toán như trình bày trên của chị Mỹ T. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của chị B không được chị Mỹ T chấp nhận nên yêu cầu xin trả dần của chị B không có cơ sở xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc chị B có trách nhiệm trả cho anh T, chị Mỹ T số tiền vốn vay là 38.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/02/2021 đến ngày 12/7/2022 là:

38.000.000 đồng X 17 tháng X 1,67% = 10.788.200 đồng tiền lãi.

Tổng cộng vốn và lãi: 38.000.000 đồng + 10.788.200 đồng = 48.788.200 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 144, 147, 244, 271, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 351; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T:

Buộc chị Phạm Thị B có trách nhiệm trả cho anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền vay vốn và lãi là: 48.788.200 đồng (bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm) đồng. Công nhận sự tự nguyện anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T giao trả lại cho chị Phạm Thị B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH18809512 ngày 20/02/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị B.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.439.000 (hai triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng. Hoàn lại cho anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006221 ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An

Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Phạm Hữu Dẫm